

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2022

BẢNG KẾT QUẢ HỌC TẬP LẦN 1 HỌC KÌ II, NĂM HỌC 2020 - 2021

Ngành/Nghề: **Truyền thông đa phương tiện**
Trình độ: **Cao đẳng**

Lớp: **20CĐTT**
Hình thức: **Chính quy**

TT	Mã SV	Lớp sinh hoạt	Họ và Tên	Ngày sinh	Chính trị	Anh văn - 2	Pháp luật và đạo đức báo chí	Pháp luật	Giáo dục thể chất	Quảng cáo và quan hệ công chúng	Sản xuất báo chí bằng thiết bị di động	Kỹ thuật sản xuất chương trình truyền hình	Giáo dục quốc phòng - An ninh	Kịch bản phát thanh - truyền hình	Báo điện tử	Lịch sử báo chí	Tổ chức diễn đàn trên báo điện tử	Tổ chức sản xuất báo in	Xử lý khủng hoảng truyền thông	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Điểm TB	Số TC	Số TC nợ	Xếp loại (Thang 4)	Kết quả	
			Số tín chỉ		5	3	2	2	0	2	2	2	0	2	2	2	2	2	2	2						
			Thứ tự môn học/mô-đun		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)						
1	2010060001	20CĐTT	Phạm Phú An	14/3/2002		F 0.0		B 7.2				F 3.2	C 6.8	F 2.7	D 5.2	F 3.1		C 6.7		F 3.3	0.71 3.69	17	11		kém	CB
2	2010060002	20CĐTT	Trần Thị Ngọc An	25/02/1991								F 0.0	B 7.5	F 0.0	F 0.0			C 6.3			0.50 1.58	8	6		kém	CB
3	2010060003	20CĐTT	Phạm Thị Lan Anh	23/4/2002		D 4.8		C 6.5				B 7.1	C 6.5	B 7.7	D 5.3	B 7.1		C 6.5		B 7.1	2.18 6.41	17			Trung bình	BT
4	2010060004	20CĐTT	Trần Ngọc Phương Anh	14/02/2002		B 7.3		C 5.9					C 6.3	B 7.3	B 7.3	F 0.0		C 6.6		B 7.4	2.33 6.06	15	2		Trung bình	BT
5	2010060005	20CĐTT	Tô Ngọc Hữu Bằng	10/02/2002																	0.00 0.00	0			kém	TH
6	2010060006	20CĐTT	Lý Bửu Châu	31/10/2002		B 7.4		B 7.3				C 6.4	C 6.6	B 7.9	D 5.4	C 6.8		B 7.3		B 8.0	2.53 7.08	17			Khá	BT
7	2010060007	20CĐTT	Phạm Ngọc Tố Châu	07/10/2000		B 8.1		A 9.4				B 7.5	B 7.8	B 7.5	A 8.6	B 7.2		B 7.3		B 7.3	3.24 7.88	17			Giỏi	BT
8	2010060008	20CĐTT	Lê Thị Khánh Chi	19/8/2002		F 2.5		B 7.0				F 0.0	C 6.1	F 0.0	F 1.6	F 3.1		F 2.2		F 3.1	0.35 2.44	17	15		kém	CB
9	2010060009	20CĐTT	Nguyễn Thị Kim Chi	10/02/2002		C 6.3		A 9.1					C 6.8	A 8.7	A 8.8	B 7.6		C 6.6		B 7.3	3.07 7.67	15			Khá	BT
10	2010060010	20CĐTT	Nguyễn Thị Hồng Cúc	31/8/2001		C 6.9		A 9.1					B 7.0	B 8.1	B 7.7	B 7.3		C 6.6		A 8.7	2.93 7.71	15			Khá	BT

TT	Mã SV	Lớp sinh hoạt	Họ và Tên	Ngày sinh	Chính trị	Anh văn - 2	Pháp luật và đạo đức báo chí	Pháp luật	Giáo dục thể chất	Quảng cáo và quan hệ công chúng	Sản xuất báo chí bằng thiết bị di động	Kỹ thuật sản xuất chương trình truyền hình	Giáo dục quốc phòng - An ninh	Kịch bản phát thanh - truyền hình	Báo điện tử	Lịch sử báo chí	Tổ chức diễn đàn trên báo điện tử	Tổ chức sản xuất báo in	Xử lý khủng hoảng truyền thông	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Điểm TB	Số TC	Số TC nợ	Xếp loại (Thang 4)	Kết quả
11	2010060011	20CĐTT	Tổng Trang	Đài	17/3/1997	B 7.4	B 7.7					C 6.7	C 6.5	B 7.6	C 6.3	B 7.2		B 7.2	C 6.5	2.65 7.09	17			Khá	BT
12	2010060012	20CĐTT	Trần Đức Tiến	Đạt	02/6/2002	D 4.9	B 7.1					C 6.3	C 5.8	B 7.3	B 7.7	B 7.9		C 6.2	C 6.5	2.29 6.63	17			Trung bình	BT
13	2010060013	20CĐTT	Phan Hồng Ngọc	Điệp	22/4/1999	C 6.8	C 6.8						B 7.2	B 8.3	A 8.6	B 7.7		C 6.6	A 8.9	2.80 7.61	15			Khá	BT
14	2010060014	20CĐTT	Trần Hoàng Hữu	Đông	23/6/2002	B 7.0	A 8.6					B 7.2	C 6.8	A 8.7	B 7.6	B 7.5		C 6.2	A 8.7	3.24 7.65	17			Giỏi	BT
15	2010060015	20CĐTT	Lê Vạn	Duẩn	24/01/2000															0.00 0.00	0			kém	TH
16	2010060016	20CĐTT	Nguyễn Đình	Đức	20/7/1999	C 5.9	C 6.0					C 6.5		B 7.3	C 6.0	B 7.7		C 5.8	B 7.7	2.35 6.57	17			Trung bình	BT
17	2010060017	20CĐTT	Trần Xuân	Đức	02/10/2002	D 5.3	B 7.1					B 7.1	C 6.7	B 7.0	C 6.4	B 7.1		C 6.5	C 5.9	2.29 6.48	17			Trung bình	BT
18	2010060018	20CĐTT	Đoàn Anh	Dũng	24/9/2002	D 4.2	D 5.3					F 3.2	C 5.5	B 7.5	F 0.0	F 0.0		C 6.5	F 0.0	0.88 3.39	17	8		kém	CB
19	2010060019	20CĐTT	Nguyễn Quốc	Dũng	23/01/2000	D 5.2	F 3.3						C 6.6	F 0.0	F 1.1	C 6.3		C 5.8	D 5.3	0.87 3.95	15	6		kém	CB
20	2010060020	20CĐTT	Nguyễn Văn Tấn	Dương	19/3/2001	D 4.9	B 7.7					B 7.1		B 7.5	F 3.9	A 8.6		C 5.7		2.20 6.38	15	2		Trung bình	BT
21	2010060021	20CĐTT	Nguyễn Hoàng	Duy	16/9/1999	F 0.0	F 0.0					F 0.0		F 0.0	F 0.0	F 0.0		F 0.0	F 0.0	0.00 0.00	17	17		kém	TH
22	2010060022	20CĐTT	Nguyễn Phương	Duy	01/5/2000	F 0.0						F 0.0		F 0.0	F 0.0			F 0.0	F 0.0	0.00 0.00	13	13		kém	TH
23	2010060023	20CĐTT	Võ Nguyễn Khánh	Duy	14/02/2001	F 0.0						F 0.0		F 0.0	F 0.0			F 0.0	F 0.0	0.00 0.00	13	13		kém	TH
24	2010060024	20CĐTT	Mai Thảo	Duyên	26/6/2002	C 6.3	C 6.5					F 2.9	B 7.4	F 1.0	C 6.3	C 6.0		F 2.1	F 3.2	1.06 4.41	17	8		Yếu	BT
25	2010060025	20CĐTT	Hứa Đình	Giang	24/5/2002	B 7.4	A 8.9					C 6.7	B 7.2	B 8.4	C 5.6	B 7.4		C 6.8	C 6.8	2.65 7.26	17			Khá	BT
26	2010060026	20CĐTT	Lê Thị Thu	Hà	19/01/2000	F 2.4	B 7.0					D 5.3	B 7.7	C 6.3	C 6.4	C 6.8		D 5.3	C 6.9	1.53 5.60	17	3		Yếu	BT
27	2010060027	20CĐTT	Sa Lay Man	Hamid	19/10/2000	C 5.5	F 3.8					F 2.8		B 7.5	C 5.5	F 0.0		B 7.6	F 3.2	1.29 4.55	17	8		Yếu	BT

TT	Mã SV	Lớp sinh hoạt	Họ và Tên		Ngày sinh	Chính trị	Anh văn - 2	Pháp luật và đạo đức báo chí	Pháp luật	Giáo dục thể chất	Quảng cáo và quan hệ công chúng	Sản xuất báo chí bằng thiết bị di động	Kỹ thuật sản xuất chương trình truyền hình	Giáo dục quốc phòng - An ninh	Kịch bản phát thanh - truyền hình	Báo điện tử	Lịch sử báo chí	Tổ chức diễn đàn trên báo điện tử	Tổ chức sản xuất báo in	Xử lý khủng hoảng truyền thông	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Điểm TB	Số TC	Số TC nợ	Xếp loại (Thang 4)	Kết quả	
28	2010060028	20CĐTT	Phan Ngọc Phương	Hân	22/12/2002		C 5.7		C 6.5				A 8.7	B 8.0	B 7.3	B 7.4	B 8.3		C 5.7		B 7.7	2.71 7.08	17			Khá	BT
29	2010060029	20CĐTT	Đỗ Lê	Hậu	07/6/2002		B 7.1		B 8.0				C 6.7	C 6.7	B 7.0	B 7.7	C 6.9		C 6.2		B 8.1	2.65 7.21	17			Khá	BT
30	2010060030	20CĐTT	Nguyễn Thị Cẩm	Hiền	12/9/2002		B 7.0		A 8.5					B 7.0	B 8.1	D 5.4	B 7.1		B 7.4		B 7.6	2.87 7.28	15			Khá	BT
31	2010060031	20CĐTT	Chung Kim	Hiếu	06/7/2002																	0.00 0.00	0			kém	TH
32	2010060032	20CĐTT	Mai Thị Hồng	Hoa	06/7/2002		C 6.6		B 7.4				C 6.6	C 5.7	B 7.9	C 5.5	C 6.3		C 6.0		B 7.5	2.35 6.72	17			Trung bình	BT
33	2010060033	20CĐTT	Nguyễn Thị Mai	Hoa	22/12/2000		B 7.9		F 3.4				F 0.0	B 7.3	F 0.0	F 0.0	A 8.5		F 0.0		C 6.9	1.24 3.61	17	10		Yếu	BT
34	2010060034	20CĐTT	Trương Thanh	Hoa	20/3/2002		B 7.3		F 3.8				F 2.9	C 5.9	B 8.1	B 7.0	F 3.6		B 7.1		F 3.2	1.59 5.49	17	8		Yếu	BT
35	2010060035	20CĐTT	Phạm Thị	Hợp	09/7/2002		F 3.6		C 6.4					C 5.9	B 7.3	C 5.5	F 0.0		F 2.3		F 0.0	0.93 3.59	15	9		kém	CB
36	2010060036	20CĐTT	Đặng Ngọc	Hùng	14/5/2002		F 0.0		C 5.9					D 5.4	C 6.5	D 4.2	D 4.3		C 6.0		D 4.1	1.20 4.13	15	3		Yếu	BT
37	2010060037	20CĐTT	Nguyễn Thị Thu	Hương	01/01/2001		C 6.2		B 7.4				C 6.6	C 6.8	B 7.3	D 4.8	B 7.5		C 6.0		C 6.9	2.24 6.56	17			Trung bình	BT
38	2010060038	20CĐTT	Nguyễn Ngọc Kiều	Khanh	06/11/2002		D 5.4		C 6.8					C 6.8	B 7.5	C 5.8	F 0.0		D 5.2		B 7.5	1.67 5.45	15	2		Yếu	BT
39	2010060039	20CĐTT	Nguyễn Ngọc Mai	Khanh	13/6/2002		C 6.7		B 7.7				B 7.1	C 6.9	A 8.7	C 6.0	B 7.1		B 7.8		B 8.3	2.82 7.38	17			Khá	BT
40	2010060040	20CĐTT	Võ Thị Ngọc	Khanh	06/9/2002		F 0.0		B 7.7				F 3.2	C 6.6	F 0.0	F 0.0	F 2.8		C 5.7		F 2.9	0.59 2.62	17	13		kém	CB
41	2010060041	20CĐTT	Đình Quốc	Khánh	07/02/2002		C 6.7		B 7.3				B 7.4	C 6.8	C 6.5	D 4.3	B 7.3		C 5.7		C 6.5	2.24 6.48	17			Trung bình	BT
42	2010060042	20CĐTT	Nguyễn Duy Nhật	Khánh	18/12/2001		B 7.3		B 8.0				B 7.1		B 7.3	F 3.9	B 7.4		C 5.7			2.47 6.71	15	2		Trung bình	BT
43	2010060043	20CĐTT	Phạm Phương	Khánh	03/02/2002		C 6.7		B 8.1				B 7.8	C 6.8	B 7.8	B 7.5	B 7.7		C 6.9		B 7.9	2.71 7.50	17			Khá	BT
44	2010060044	20CĐTT	Nguyễn Văn	Kiệt	04/5/2000		B 7.0		A 9.5				A 8.5	C 6.8	B 8.4	D 5.3	B 7.2		B 7.1		C 6.8	2.88 7.45	17			Khá	BT

TT	Mã SV	Lớp sinh hoạt	Họ và Tên		Ngày sinh	Chính trị	Anh văn - 2	Pháp luật và đạo đức báo chí	Pháp luật	Giáo dục thể chất	Quảng cáo và quan hệ công chúng	Sản xuất báo chí bằng thiết bị di động	Kỹ thuật sản xuất chương trình truyền hình	Giáo dục quốc phòng - An ninh	Kịch bản phát thanh - truyền hình	Báo điện tử	Lịch sử báo chí	Tổ chức diễn đàn trên báo điện tử	Tổ chức sản xuất báo in	Xử lý khủng hoảng truyền thông	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Điểm TB	Số TC	Số TC nợ	Xếp loại (Thang 4)	Kết quả	
45	2010060045	20CĐTT	Uông Thị	Lành	10/4/2002		C 6.8		A 8.5					C 6.7	A 8.5	C 6.6	C 6.3		D 5.1		B 7.3	2.53 7.00	15			Khá	BT
46	2010060046	20CĐTT	Nguyễn Thị Cẩm	Lệ	30/5/2002		D 5.4		C 6.8				C 6.5	C 5.9	B 7.3	D 5.4	C 6.3		C 5.8		C 6.9	1.82 6.25	17			Yếu	BT
47	2010060047	20CĐTT	Nguyễn Thị Kim	Liên	26/7/2001																	0.00 0.00	0			kém	TH
48	2010060048	20CĐTT	Phan Thị Trúc	Liễu	15/3/2002		C 6.7		A 8.7	F 0.0				C 6.0	C 6.9	C 5.9	C 6.3		C 6.4		C 6.7	2.27 6.79	15			Trung bình	BT
49	2010060049	20CĐTT	Nguyễn Hoài	Linh	13/5/1997				A 9.0				F 2.7		A 8.5	C 6.2	B 7.1		B 7.3			2.67 6.80	12	2		Khá	BT
50	2010060050	20CĐTT	Nguyễn Thị Khánh	Linh	02/3/2001		F 3.5		B 7.4				F 0.0	C 6.3	C 6.8	D 4.8	F 0.6		D 5.3		C 6.1	1.06 4.26	17	7		Yếu	BT
51	2010060051	20CĐTT	Trương Thị Mỹ	Linh	13/3/2002		D 4.8		B 7.4				B 7.2	C 6.9	B 7.9	C 6.2	B 7.1		C 6.4		B 8.3	2.41 6.79	17			Trung bình	BT
52	2010060052	20CĐTT	Nguyễn Thị Hữu	Lộc	02/02/2002		D 4.3		A 8.6				C 5.7	C 5.7	B 7.3	C 6.2	C 6.9		C 5.6		B 8.3	2.29 6.48	17			Trung bình	BT
53	2010060053	20CĐTT	Nguyễn Đình	Luân	07/5/2002		A 8.6		C 6.2					C 5.8	C 6.7	C 5.6	A 8.5		C 6.8		C 5.6	2.67 6.97	15			Khá	BT
54	2010060054	20CĐTT	Nguyễn Kinh	Luân	21/8/1999		B 7.9		B 8.3				B 7.1		A 8.6	D 4.7	C 6.9		C 6.1		C 6.7	2.53 7.09	17			Khá	BT
55	2010060055	20CĐTT	Nguyễn Thanh	Luân	28/9/2002		F 0.4		D 5.0				F 3.3	C 5.5	C 6.2	F 0.7	F 1.9		F 0.7		F 3.5	0.35 2.58	17	13		kém	CB
56	2010060056	20CĐTT	Nguyễn Thảo	Ly	08/8/2002		C 5.7		A 8.6				B 8.0	C 6.6	B 7.3	B 7.3	B 7.1		C 6.0		B 7.7	2.82 7.12	17			Khá	BT
57	2010060057	20CĐTT	Nguyễn Trúc	Ly	15/3/2000		A 8.9		A 8.8				A 8.6	C 6.8	A 8.8	B 8.1	B 7.2		C 6.9		A 8.6	3.53 8.28	17			Giỏi	BT
58	2010060058	20CĐTT	Nguyễn Thanh	Mây	04/01/2002		B 7.7		B 7.8				C 6.5	C 6.9	A 8.7	B 7.4	B 8.2		B 7.3		A 8.7	3.12 7.78	17			Khá	BT
59	2010060059	20CĐTT	Lê Ngọc Nhật	Minh	17/8/2002		F 0.0		F 0.0				F 0.0		F 0.0	F 0.0	F 0.0		F 0.0		F 0.0	0.00 0.00	17	17		kém	TH
60	2010060060	20CĐTT	Hồ Tuyết	Nga	14/3/2002		C 6.4		F 3.7				F 2.9		B 7.2	C 5.8	F 0.0		C 6.5		C 6.8	1.41 5.00	17	6		Yếu	BT
61	2010060061	20CĐTT	Phan Thị Thúy	Nga	06/10/2002		C 6.0		B 7.8				B 7.1	B 7.3	B 7.4	C 5.8	B 7.0		C 6.7		B 7.5	2.59 6.86	17			Khá	BT

TT	Mã SV	Lớp sinh hoạt	Họ và Tên		Ngày sinh	Chính trị	Anh văn - 2	Pháp luật và đạo đức báo chí	Pháp luật	Giáo dục thể chất	Quảng cáo và quan hệ công chúng	Sản xuất báo chí bằng thiết bị di động	Kỹ thuật sản xuất chương trình truyền hình	Giáo dục quốc phòng - An ninh	Kịch bản phát thanh - truyền hình	Báo điện tử	Lịch sử báo chí	Tổ chức diễn đàn trên báo điện tử	Tổ chức sản xuất báo in	Xử lý khủng hoảng truyền thông	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Điểm TB	Số TC	Số TC nợ	Xếp loại (Thang 4)	Kết quả
62	2010060062	20CĐTT	Danh	Ngay	01/01/2001		F 0.8		A 9.2				B 7.1	C 6.2	B 8.1	D 4.3	C 6.5		B 7.0		B 7.5	2.24 5.99	17	3	Trung bình	BT
63	2010060063	20CĐTT	Nguyễn Trung	Nghĩa	11/6/1999																0.00 0.00	0		kém	TH	
64	2010060064	20CĐTT	Đinh Võ Kim	Ngọc	03/9/2002		F 0.0		C 6.0					C 6.7	B 7.9	F 0.0	B 7.0	C 6.3	B 7.0	1.73 4.56	15	5	Yếu	BT		
65	2010060065	20CĐTT	Huỳnh Bảo	Ngọc	01/8/2002		C 6.6		A 8.5			F 2.7	C 6.5	B 8.1	C 5.6	C 6.8	C 6.6	C 6.2	C 6.2	2.12 6.40	17	2	Trung bình	BT		
66	2010060066	20CĐTT	Lê Thị	Ngọc	07/9/2002		C 5.7		C 6.5			C 6.6	C 6.3	B 7.3	D 5.1	C 6.9	C 5.6	C 6.3	2.00 6.22	17		Trung bình	BT			
67	2010060067	20CĐTT	Phan Thị Bảo	Ngọc	13/10/2001		C 6.3		B 7.6			C 6.8	C 6.6	B 7.5	B 7.0	B 7.8	B 7.1	C 6.9	2.59 7.08	17		Khá	BT			
68	2010060068	20CĐTT	Vi Tiểu	Nguyên	16/9/2002		F 0.0		F 0.0			F 0.0		F 0.0	F 0.0	F 0.0	F 0.0		0.00 0.00	15	15	kém	TH			
69	2010060069	20CĐTT	Trần Thanh	Nhân	27/9/2001				B 7.6			B 7.5	C 6.5	B 7.7	C 6.5	B 7.0	C 6.2	B 7.5	2.71 7.14	14		Khá	BT			
70	2010060070	20CĐTT	Lê Trọng	Nhân	09/5/2001				F 0.0										0.00 0.00	2	2	kém	TH			
71	2010060071	20CĐTT	Phùng Nguyễn Thiện	Nhân	28/11/1998														0.00 0.00	0		kém	TH			
72	2010060072	20CĐTT	Trần Trọng	Nhân	07/11/1999		F 0.0		F 0.0			F 0.0		F 0.0	F 0.0	F 1.9	F 0.0	F 3.3	0.00 0.61	17	17	kém	TH			
73	2010060073	20CĐTT	Phạm Minh	Nhật	29/8/2001		F 3.8		C 5.9			C 6.5	B 7.2	B 7.0	F 1.1	B 7.7	C 6.5	C 6.4	1.65 5.51	17	5	Yếu	BT			
74	2010060074	20CĐTT	Nguyễn Yến	Nhi	28/3/2002		F 3.2		B 7.1			C 5.8	C 5.9	B 7.5	B 7.9	C 5.5	B 7.0	B 7.7	2.24 6.27	17	3	Trung bình	BT			
75	2010060075	20CĐTT	Phan Nguyễn Quỳên	Nhi	22/12/2002		C 5.5		B 8.3			C 6.7	B 7.2	B 8.0	C 6.9	C 6.3	C 6.1	C 6.9	2.24 6.76	17		Trung bình	BT			
76	2010060076	20CĐTT	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	27/4/2002		C 6.7		A 8.9				B 7.0	A 8.7	B 8.1	B 8.2	B 7.4	A 8.7	3.20 8.01	15		Giỏi	BT			
77	2010060077	20CĐTT	Phạm Thị Cẩm	Như	07/01/2002		F 0.9		C 5.9			F 0.0	C 5.7	C 6.1	D 5.1	F 3.2	F 2.4	F 3.5	0.59 3.24	17	11	kém	CB			
78	2010060078	20CĐTT	Lại Minh	Nhựt	11/5/2000		B 7.1		B 7.8			B 7.3		B 8.1	B 8.2	A 8.5	B 7.3	B 8.0	3.12 7.75	17		Khá	BT			

TT	Mã SV	Lớp sinh hoạt	Họ và Tên		Ngày sinh	Chính trị	Anh văn - 2	Pháp luật và đạo đức báo chí	Pháp luật	Giáo dục thể chất	Quảng cáo và quan hệ công chúng	Sản xuất báo chí bằng thiết bị di động	Kỹ thuật sản xuất chương trình truyền hình	Giáo dục quốc phòng - An ninh	Kịch bản phát thanh - truyền hình	Báo điện tử	Lịch sử báo chí	Tổ chức diễn đàn trên báo điện tử	Tổ chức sản xuất báo in	Xử lý khủng hoảng truyền thông	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Điểm TB	Số TC	Số TC nợ	Xếp loại (Thang 4)	Kết quả	
79	2010060079	20CĐTT	Trần Quang	Ninh	22/01/2002		D 5.4		A 8.7				C 6.5	C 6.6	B 8.2	B 7.4	B 7.7		B 7.2		C 6.2	2.53 7.06	17			Khá	BT
80	2010060080	20CĐTT	Nguyễn Văn	Phi	18/11/2001		C 6.8		C 6.8				B 7.4	C 6.5	B 7.5	B 8.2	B 7.1		C 6.4		B 7.0	2.59 7.13	17			Khá	BT
81	2010060081	20CĐTT	Lê Thanh	Phúc	10/10/2002		D 5.4		C 6.8					C 6.3	A 8.7	F 0.9	B 7.4		D 5.1		C 6.7	1.80 5.83	15	2		Yếu	BT
82	2010060082	20CĐTT	Trần Thị Ánh	Phương	21/7/2002		C 5.5		B 8.2				C 6.4	C 6.4	C 6.9	C 6.6	C 5.9		C 6.5		B 7.0	2.24 6.56	17			Trung bình	BT
83	2010060083	20CĐTT	Phạm Thị Ngọc	Phượng	02/02/2002		B 8.1		A 9.5				C 6.9	C 6.8	A 8.7	A 9.1	B 7.5		B 7.4		B 7.3	3.24 8.06	17			Giỏi	BT
84	2010060084	20CĐTT	Đặng Minh	Quang	19/4/2002		F 0.0		F 3.3					C 6.4	B 7.5	C 6.0	F 0.1		F 0.9		F 0.0	0.67 2.37	15	11		kém	CB
85	2010060085	20CĐTT	Lâm Bảo	Quyên	19/12/2002		B 8.0		B 7.0				C 6.3	C 6.4	B 8.3	B 7.7	C 6.9		C 6.5		C 6.2	2.53 7.16	17			Khá	BT
86	2010060086	20CĐTT	Nguyễn Thúy	Quyên	08/4/2000		B 7.4		C 6.8				B 7.3	C 6.5	B 8.2	B 8.0	B 7.7		B 8.1		A 8.7	3.00 7.75	17			Khá	BT
87	2010060087	20CĐTT	Bùi Nguyễn Khánh	Quỳnh	18/6/2002		B 7.9		F 3.8				F 2.8	C 6.5	C 6.6	F 1.1						1.18 4.75	11	6		Yếu	BT
88	2010060088	20CĐTT	Triệu Ngân	Quỳnh	14/8/2002		D 5.4		A 9.2					B 7.1	B 7.3	B 8.0	A 8.8		B 7.0		B 7.5	2.87 7.45	15			Khá	BT
89	2010060089	20CĐTT	Đặng Vy	Tâm	14/6/2002		B 7.9		B 7.3				F 0.0	C 6.4	B 7.7	F 3.8	F 0.0		F 0.0		C 6.8	1.47 4.41	17	8		Yếu	BT
90	2010060090	20CĐTT	Huỳnh Quốc	Tâm	14/4/2002		D 5.2		D 4.8					C 6.6	C 5.7	F 1.2	C 6.2		C 6.0		C 6.2	1.40 5.05	15	2		Yếu	BT
91	2010060091	20CĐTT	Trần Thị Hoài	Tâm	28/6/2002		F 0.0		F 2.0				F 2.8	C 6.9	B 7.9	C 5.6	F 3.2		C 6.2		F 3.5	0.82 3.67	17	11		kém	CB
92	2010060092	20CĐTT	Nguyễn Minh	Tân	13/7/2002		C 6.1		B 7.3				B 8.2	C 5.9	C 6.9	D 5.3	C 6.8		C 6.0		C 6.2	2.12 6.57	17			Trung bình	BT
93	2010060093	20CĐTT	Quảng Ngọc	Thắm	07/3/2002		B 7.4		B 8.1				C 6.7	C 6.6	B 8.1	B 7.6	B 7.4		C 6.3		B 8.0	2.76 7.45	17			Khá	BT
94	2010060094	20CĐTT	Nguyễn Phúc Hữu	Thành	30/12/2002		B 8.1		C 6.1				B 7.7	C 6.7	B 7.8	C 6.2	C 6.9		C 5.9		D 5.3	2.29 6.83	17			Trung bình	BT
95	2010060095	20CĐTT	Lê Phạm Minh	Thảo	14/7/2000																	0.00 0.00	0			kém	TH

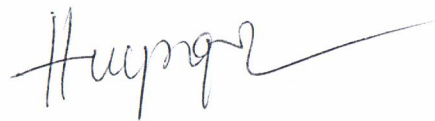
TT	Mã SV	Lớp sinh hoạt	Họ và Tên	Ngày sinh	Chính trị	Anh văn - 2	Pháp luật và đạo đức báo chí	Pháp luật	Giáo dục thể chất	Quảng cáo và quan hệ công chúng	Sản xuất báo chí bằng thiết bị di động	Kỹ thuật sản xuất chương trình truyền hình	Giáo dục quốc phòng - An ninh	Kịch bản phát thanh - truyền hình	Báo điện tử	Lịch sử báo chí	Tổ chức diễn đàn trên báo điện tử	Tổ chức sản xuất báo in	Xử lý khủng hoảng truyền thông	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Điểm TB	Số TC	Số TC nợ	Xếp loại (Thang 4)	Kết quả
96	2010060096	20CĐTT	Phạm Hà Anh Thi	18/12/2000																	0.00 0.00	0		kém	TH
97	2010060097	20CĐTT	Dương Ngọc Thịnh	01/7/2000		D 5.1	A 9.3					B 7.4	B 7.1	B 8.1	B 7.1	B 8.1		C 6.2		B 7.1	2.65 7.17	17		Khá	BT
98	2010060098	20CĐTT	Nguyễn Thị Minh Thư	17/8/2001		D 4.9	A 9.2					C 6.4	C 6.3	B 8.0	D 4.3	A 8.5		C 6.9		C 6.5	2.29 6.72	17		Trung bình	BT
99	2010060099	20CĐTT	Phạm Võ Anh Thư	04/9/2001		B 7.7	B 8.0					C 6.2	C 6.1	F 3.0	B 7.5	C 6.7		C 6.5		F 3.5	1.94 6.23	17	4	Yếu	BT
100	2010060100	20CĐTT	Trần Thị Anh Thư	07/9/2000		C 5.9						B 8.0	B 7.2	B 8.1	B 7.3	B 7.8		B 7.3			2.77 7.28	13		Khá	BT
101	2010060101	20CĐTT	Lê Huỳnh Ngọc Thùy	03/4/1999		B 7.5	A 9.5					B 7.3	B 7.3	B 8.3	A 8.8	B 7.8		B 7.5		B 7.9	3.24 8.04	17		Giỏi	BT
102	2010060102	20CĐTT	Nguyễn Huỳnh Thanh Thùy	12/7/1996		B 7.9	C 6.6					B 7.4	C 6.6	C 6.5	B 7.7	B 7.3		C 6.5		B 7.9	2.65 7.26	17		Khá	BT
103	2010060103	20CĐTT	Trịnh Minh Thùy	18/7/2002		C 6.8	B 7.4					C 6.5	B 7.0	B 7.5	B 7.8	B 7.7		B 7.1		B 8.3	2.71 7.35	17		Khá	BT
104	2010060104	20CĐTT	Nguyễn Thị Thu Thùy	20/7/2001		F 0.0	B 7.5						C 6.1	B 7.5	C 6.0	B 7.3		C 5.5		B 7.7	2.13 5.53	15	3	Trung bình	BT
105	2010060105	20CĐTT	Vũ Phạm Quốc Tiến	19/10/2002		B 8.0	B 8.0						C 6.6	A 8.5	A 9.1	C 6.7		B 7.1		B 7.3	3.13 7.83	15		Khá	BT
106	2010060106	20CĐTT	Lê Thương Tín	14/11/2002																	0.00 0.00	0		kém	TH
107	2010060107	20CĐTT	Nguyễn Trí Toàn	03/7/2002			F 0.0								F 0.0					F 0.0	0.00 0.00	6	6	kém	TH
108	2010060108	20CĐTT	Nguyễn Phạm Thùy Trang	08/3/2001			F 0.0					F 3.3	B 7.0	B 7.5	F 3.8	F 3.2		C 6.0		F 3.5	0.71 3.90	14	10	kém	CB
109	2010060109	20CĐTT	Nguyễn Thị Trang	20/9/2000		F 0.0	A 8.9					C 6.0		B 7.4	A 8.6	B 7.8		B 7.5		B 7.0	2.59 6.26	17	3	Khá	BT
110	2010060110	20CĐTT	Phan Thị Mỹ Trinh	20/11/2002		D 5.1	B 8.3					C 6.8	C 6.3	B 8.1	D 4.6	B 7.1		C 6.7		C 6.5	2.06 6.56	17		Trung bình	BT
111	2010060111	20CĐTT	Trương Thị Kim Trúc	20/4/2002		C 6.6	B 8.2						C 6.3	C 6.7	C 6.6	C 6.5		C 6.3		C 5.8	2.13 6.67	15		Trung bình	BT
112	2010060112	20CĐTT	Phạm Sơn Trường	17/4/1999	B 7.4		B 8.3			B 8.1	D 4.5	C 6.4		F 0.0	F 3.9	B 7.4		B 7.1	D 5.0	B 7.2	2.12 6.11	25	4	Trung bình	BT

TT	Mã SV	Lớp sinh hoạt	Họ và Tên	Ngày sinh	Chính trị	Anh văn - 2	Pháp luật và đạo đức báo chí	Pháp luật	Giáo dục thể chất	Quảng cáo và quan hệ công chúng	Sản xuất báo chí bằng thiết bị di động	Kỹ thuật sản xuất chương trình truyền hình	Giáo dục quốc phòng - An ninh	Kịch bản phát thanh - truyền hình	Báo điện tử	Lịch sử báo chí	Tổ chức diễn đàn trên báo điện tử	Tổ chức sản xuất báo in	Xử lý khủng hoảng truyền thông	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Điểm TB	Số TC	Số TC nợ	Xếp loại (Thang 4)	Kết quả
113	2010060113	20CĐTT	Nguyễn Mạnh Tú	18/3/1999		D 5.1	F 2.3					B 7.0	C 6.6	B 7.8	B 7.7	B 7.7		C 6.1		B 8.3	2.18 6.42	17	2	Trung bình	BT
114	2010060114	20CĐTT	Thái Văn Tuấn	19/9/2001		C 5.8		B 7.0				B 7.2	C 6.3	B 7.4	C 6.6	B 7.1		C 5.6		B 7.3	2.59 6.69	17		Khá	BT
115	2010060115	20CĐTT	Dương Hà Cẩm Tuyền	28/02/2002		C 6.9		C 6.8				C 6.4	C 6.9	A 8.8	B 7.6	B 7.4		C 6.5		B 8.0	2.59 7.28	17		Khá	BT
116	2010060116	20CĐTT	Nguyễn Phương Thúy Vi	19/12/2001		D 4.3		A 8.6				F 0.0	C 6.4	A 8.6	B 7.8	F 2.9		B 7.3		F 2.9	1.82 5.24	17	6	Yếu	BT
117	2010060117	20CĐTT	Đình Quốc Việt	01/10/1999																	0.00 0.00	0		kém	TH
118	2010060118	20CĐTT	Bùi Hoài Vinh	17/7/2002																	0.00 0.00	0		kém	TH
119	2010060119	20CĐTT	Nguyễn Thanh Vũ	03/12/2002		C 6.3		C 6.8				C 6.9	B 7.3	B 7.5	D 4.7	C 6.3		C 5.7		C 6.3	2.00 6.31	17		Trung bình	BT
120	2010060120	20CĐTT	Thái Đắc Trường Vũ	10/4/2002		F 3.5		C 6.3				B 7.0	B 7.1	B 8.0	C 6.4	C 6.7		C 6.4		C 5.6	1.88 6.08	17	3	Yếu	BT
121	2010060121	20CĐTT	Phan Thị Ái Vy	27/10/2001		C 6.9		B 7.4					C 6.4	B 8.0	B 7.6	B 7.6		C 6.5		B 7.5	2.67 7.33	15		Khá	BT
122	2010060122	20CĐTT	Trần Thị Nam Vy	12/01/2002		B 7.3		F 3.3				F 3.2		A 8.9	F 0.0	F 2.9		F 0.7		F 2.8	1.00 3.85	17	12	Yếu	BT
123	2010060123	20CĐTT	Đào Thị Xuyến	15/6/2002		C 6.7		A 8.5				B 7.8	C 6.2	B 7.7	B 7.7	B 7.3		B 7.0		A 8.5	3.06 7.59	17		Khá	BT
124	2010060124	20CĐTT	Lê Ngọc Phương Yến	07/4/2001		F 0.4		B 7.5					C 5.7	B 7.4	D 5.1	F 2.7		C 6.1		F 3.3	1.20 4.36	15	7	Yếu	BT
125	2010060125	20CĐTT	Nguyễn Thị Hoàng Yến	30/7/2000		D 5.1		B 7.4				B 8.3	C 6.6	B 8.1	B 7.8	C 5.7		C 6.4		C 6.2	2.29 6.77	17		Trung bình	BT
126	2010060126	20CĐTT	Đình Ngọc Tú Anh	12/02/2002		A 9.4		F 0.0				C 6.7	B 7.6	F 0.0	D 5.3	B 8.3		B 7.2		B 7.7	2.12 5.80	17	4	Trung bình	BT
127	2010060127	20CĐTT	Nguyễn Việt Nam Anh	19/8/2002		C 6.7		C 6.8				F 2.7	C 6.2	B 7.0	F 3.2	C 6.7		C 6.3		B 7.7	1.76 5.94	17	4	Yếu	BT
128	2010060128	20CĐTT	Tạ Thị Trâm Anh	25/10/2002		C 6.6		B 8.3				C 6.5	C 6.4	B 8.2	C 5.7	D 4.9		D 5.3		C 5.7	2.00 6.41	17		Trung bình	BT
129	2010060129	20CĐTT	Trần Thị Kim Châu	13/4/2002		C 6.8		A 8.5				B 7.4	C 6.7	B 7.9	C 5.7	C 6.8		C 5.8		A 8.5	2.71 7.15	17		Khá	BT

TT	Mã SV	Lớp sinh hoạt	Họ và Tên		Ngày sinh	Chính trị	Anh văn - 2	Pháp luật và đạo đức báo chí	Pháp luật	Giáo dục thể chất	Quảng cáo và quan hệ công chúng	Sản xuất báo chí bằng thiết bị di động	Kỹ thuật sản xuất chương trình truyền hình	Giáo dục quốc phòng - An ninh	Kịch bản phát thanh - truyền hình	Báo điện tử	Lịch sử báo chí	Tổ chức diễn đàn trên báo điện tử	Tổ chức sản xuất báo in	Xử lý khủng hoảng truyền thông	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Điểm TB	Số TC	Số TC nợ	Xếp loại (Thang 4)	Kết quả	
130	2010060130	20CĐTT	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	20/3/2001		B 7.6		A 9.0				C 6.5	C 6.8	B 7.9	D 4.6	B 7.4		C 6.9		C 6.5	2.53 7.08	17			Khá	BT
131	2010060131	20CĐTT	Ngô Bảo	Hân	24/7/2002		F 3.8		B 7.8				C 5.5	C 5.6	C 6.8	B 7.2	F 3.2		C 6.2		C 6.9	1.65 5.80	17	5		Yếu	BT
132	2010060132	20CĐTT	Lê Ngân	Hoài	26/5/2002		D 4.5		B 7.6				B 7.2	C 6.4	B 7.9	D 4.8	B 7.4		C 5.7		B 7.6	2.29 6.46	17			Trung bình	BT
133	2010060133	20CĐTT	Thái Kim	Ngân	03/11/2002		B 7.1		A 9.1					B 7.3	B 7.8	F 2.7	B 7.4		C 6.3		B 7.0	2.60 6.79	15	2		Khá	BT
134	2010060134	20CĐTT	Nguyễn Ngọc Tuyết	Nhi	18/8/2002		C 5.8		C 6.6				F 0.0	B 7.6	B 7.9	F 2.1	B 7.1		C 5.6		A 8.5	2.00 5.47	17	4		Trung bình	BT
135	2010060135	20CĐTT	Nguyễn Khánh	Như	25/02/2002		F 0.0		F 0.0				F 2.8	C 6.3	F 0.0	F 0.0	F 0.1		F 0.0		F 3.3	0.00 0.73	17	17		kém	TH
136	2010060136	20CĐTT	Phạm Nguyễn Quỳnh	Như	12/11/2002																	0.00 0.00	0			kém	TH
137	2010060137	20CĐTT	Mai Vũ Hùng	Phúc	12/11/2000		C 5.8		C 6.7				B 7.1	B 7.6	B 7.0	C 5.7	B 7.3		C 5.9		F 0.0	2.12 5.69	17	2		Trung bình	BT
138	2010060138	20CĐTT	Đoàn Thanh	Sang	22/11/2002		F 3.1		B 7.4				F 2.7	C 6.5	B 7.7	C 6.0	F 3.1		C 6.3		F 3.2	1.18 4.83	17	9		Yếu	BT
139	2010060139	20CĐTT	Nguyễn Thị Trân	Tâm	14/02/2002																	0.00 0.00	0			kém	TH
140	2010060140	20CĐTT	Nguyễn Thị Hoài	Thương	10/4/2002		C 6.4		A 8.6				B 7.5	C 6.6	B 8.1	B 7.6	C 6.9		C 5.8		B 7.9	2.71 7.29	17			Khá	BT
141	2010060141	20CĐTT	Huỳnh Văn	Ti	02/02/2002		B 7.7		B 8.3				B 7.4	C 6.9	B 8.1	B 7.5	B 7.3		B 7.3		A 8.9	3.12 7.81	17			Khá	BT
142	2010060142	20CĐTT	Lê Ngọc	Trâm	01/02/2002		B 7.0		A 9.2				B 7.1	B 7.0	A 8.7	C 5.6	B 7.2		C 5.9		C 6.1	2.88 7.09	17			Khá	BT
143	2010060143	20CĐTT	Lê Hoàng	Yến	08/10/2002																	0.00 0.00	0			kém	TH
144	2010060144	20CĐTT	Lê Thị Mỹ	Huyền	19/9/2001								F 3.2		A 8.9	F 0.0	F 3.3		C 6.6			1.20 4.40	10	6		Yếu	BT
145	2010060145	20CĐTT	Phạm Thị Thanh	Sương	23/7/2000																	0.00 0.00	0			kém	TH
146	2010060146	20CĐTT	Lưu Quy	Long	30/11/2002		B 7.4		B 7.3				C 6.4	B 7.1	B 7.7	B 7.3	C 6.8		C 6.5		B 7.4	2.65 7.12	17			Khá	BT

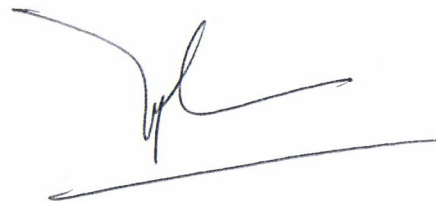
TT	Mã SV	Lớp sinh hoạt	Họ và Tên	Ngày sinh	Chính trị	Anh văn - 2	Pháp luật và đạo đức báo chí	Pháp luật	Giáo dục thể chất	Quảng cáo và quan hệ công chúng	Sản xuất báo chí bằng thiết bị di động	Kỹ thuật sản xuất chương trình truyền hình	Giáo dục quốc phòng - An ninh	Kịch bản phát thanh - truyền hình	Báo điện tử	Lịch sử báo chí	Tổ chức diễn đàn trên báo điện tử	Tổ chức sản xuất báo in	Xử lý khủng hoảng truyền thông	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Điểm TB	Số TC	Số TC nợ	Xếp loại (Thang 4)	Kết quả
147	2010060147	20CĐTT	Bùi Thị Yến Vy	19/6/1999			B 7.9			F 2.5	F 0.3	F 0.0		B 7.1	F 0.0	F 3.2		F 0.8	B 7.0		1.00 3.20	18	12	Yếu	BT
148	2010060148	20CĐTT	Nguyễn Đoàn Thanh Giang	25/12/2002				F 2.6				F 0.0	B 7.2	B 8.2	C 6.3	F 3.7		F 2.2		F 3.6	0.71 3.80	14	10	kém	CB
149	2010060149	20CĐTT	Lâm Thị Yến Nhi	27/11/1996				F 2.2				F 0.0		B 7.9	F 2.4	F 3.4		F 2.2			0.50 3.02	12	10	kém	CB
150	2010060150	20CĐTT	Lộc Bá Thành	19/12/1999			B 7.9			F 2.5	F 0.0	F 3.3	C 6.9	C 6.7	F 0.0		F 0.9	F 0.7	F 3.0		0.56 2.78	18	14	kém	CB

Người lập



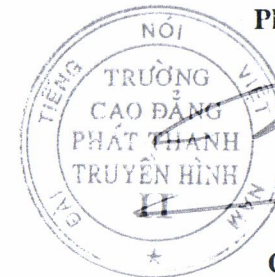
Huỳnh Ngọc Sáng

Trưởng phòng QL Đào tạo



Nguyễn Thị Diễm Phương

KT. Hiệu trưởng
Phó Hiệu trưởng



Cao Văn Trục